

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2022.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà: Lê Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà K Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Đức L, sinh năm 1977;

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Thúy K, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp N1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. (Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 24/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Ông Lê Đức L trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Thúy K chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn công khai năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông L cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau nên ông và bà K đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L xin ly hôn.

Về con chung: ông L khai ông và bà K có 02 con chung là cháu Lê Thùy D, sinh năm 2002 và cháu Lê Dương Q, sinh năm 2009. Khi ly hôn, hiện cháu D đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Q nếu cháu có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 16/3/2022, bà Huỳnh Thị Thúy K trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến và lời trình bày của ông L về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, về con chung, nợ chung là đúng còn nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì không đúng, bà K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mới nộp đơn xin ly hôn với bà, bà K xác nhận vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn, xin hàn gắn đoàn tụ.

Nếu Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L, thì bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Dương Q, không yêu cầu ông L cấp dưỡng; riêng cháu Lê Thùy D đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng đoàn tụ không thành.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng,

[1.] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Đức L nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Ly hôn” là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy K có địa chỉ cư trú tại ấp N1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng và phạm vi giải quyết:

Ông Lê Đức L khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Thúy K được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Quá trình tố tụng ông L xác định có đăng ký kết hôn với bà Hằng. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về nội dung:

[2.1] *Quan hệ hôn nhân,*

Ông Lê Đức L và bà Huỳnh Thị Thúy K chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trước tòa, ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Bà Huỳnh Thị Thúy K không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ.

Qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà K tuy có rạn nứt nhưng chưa đến mức độ trầm trọng, những mâu thuẫn, cãi vã nhau theo lời bà K trình bày là do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng bất hòa trong khi ông L không đưa ra những lý do xác đáng nào chứng minh tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài dẫn đến việc hai vợ chồng phải ly hôn. Do đó, cần bác đơn xin ly hôn của ông L để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ là phù hợp.

[2.2]. *Về con chung, tài sản chung và nợ:* Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Ông Lê Đức L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 147, 222 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 17, 18, 19, 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác đơn yêu cầu ly hôn của Ông Lê Đức L đối với bà Huỳnh Thị Thúy K.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Đức L và bà Huỳnh Thị Thúy K vẫn còn là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Lê Đức L và bà Huỳnh Thị Thúy K đều có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ: không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Lê Đức L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 9840 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hoàng - Lê Thị Xuân Đào

Văn Công Thức

